

VỀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CON NGƯỜI CỦA NHO GIÁO VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THANH MAI

Tóm tắt

Một trong những nội dung quan trọng của Nho giáo là bàn về con người và đào tạo con người. Vì là sản phẩm của xã hội phong kiến nên Nho giáo vẫn còn có những hạn chế nhất định. Tuy nhiên, trong lĩnh vực đào tạo, giáo dục con người, Nho giáo cũng có những đóng góp đáng kể. Trên tinh thần tiếp thu có phê phán tư tưởng Nho giáo, Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta những quan điểm giáo dục có giá trị, là định hướng cho sự nghiệp giáo dục ở nước ta ngày nay.

Nho giáo là triết thuyết lớn trong lịch sử tư tưởng phương Đông. Với lịch sử hơn 2500 năm, Nho giáo có ảnh hưởng lớn đến nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam. Là một học thuyết chính trị – đạo đức, Nho giáo đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục, đào tạo con người. Nho giáo cho rằng, giáo hóa con người là một trong những nhiệm vụ cơ bản của nhà cầm quyền và cũng là phương tiện hữu hiệu để đưa xã hội từ “loạn” (loạn lạc) thành “bình” (thái bình, thịnh trị).

Ngày nay, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, nhân tố con người và việc phát huy vai trò năng động chủ quan của con người là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay đang có những vấn đề bức xúc trước đòi hỏi của sự phát triển và hội nhập. Một trong những vấn đề bức xúc đó là việc tìm tòi và vận dụng một triết lý thích hợp cho nền giáo dục mới, vừa phát huy được kinh nghiệm truyền thống của dân tộc, vừa mang tính hiện đại để sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Nền giáo dục phong kiến Việt Nam đã có hàng ngàn năm theo Nho học. Mặc dù, quan điểm giáo dục và đào tạo con người của Nho giáo có những hạn chế nhất định, song vẫn có mặt tích cực. Do vậy, nghiên cứu quan niệm của Nho giáo về vấn đề đào tạo con người là cần thiết. Bài viết chỉ ra một số nội dung cơ bản của Nho giáo về vấn đề đào tạo con người và sự vận dụng của Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể kế thừa tư tưởng đó trong sự nghiệp “trồng người” ở Việt Nam hiện nay.

1. Đào tạo con người là một nội dung quan trọng của Nho giáo

Thời Xuân Thu – Chiến quốc, loạn lạc, chiến tranh liên tục xảy ra. Khổng Tử nói rằng đó là thời kỳ “quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử”(vua không phải đạo vua, tôi không phải đạo tôi, cha không phải đạo cha, con không phải đạo con)[1, tr.483]. Những cuộc chiến tranh đều nhằm mục đích tranh bá, tranh vương. Mạnh Tử nói rằng: “đánh nhau giành đất, giết người thây chát đầy đồng, đánh nhau giành thành, giết người thây chát đầy thành”[2, tr.26-27]. Sinh ra và lớn lên trong thời loạn lạc, Khổng Tử nhận thấy rằng xã hội bất ổn, có chiến tranh là do con người “vô đạo” (không có đạo đức), do vậy, theo ông, cần phải đưa con người trở về “hữu đạo” (có đạo đức) bằng cách “giáo hóa” (giáo dục).

Nho giáo là học thuyết quan tâm đặc biệt đến vấn đề con người. Khi bàn về con người, các nhà nho đưa ra học thuyết “tính người”. Theo họ, tính người là cái bẩm sinh, là cái “tiên thiên” (có nguồn gốc từ trời, là nguyên lý tự nhiên mà trời phú cho con người và con người bẩm thụ lấy). Khái niệm “tính người” của các nhà nho có nội hàm hẹp hơn (chỉ nói đến cái bẩm sinh), nhưng ngoại diên của nó lại rộng hơn.

Trong thiên *Dương Hóa*, Khổng Tử nói: “bản tính người ta gần giống nhau, thói quen khiến xa nhau” (*Tính tương cận dã, tập tương viễn dã*) [1, tr.614]. Ở đây, Khổng Tử mới chỉ nói một cách chung chung rằng lúc đầu tính người ta đều giống nhau, nhưng sau do nhiều cái bên ngoài tác động mà khiến người ta khác nhau. Khổng Tử chưa giải thích một cách rõ ràng về bản tính con người là thiện hay ác. Đến Mạnh Tử, ông đã nói một cách cụ thể hơn về tính người: “Nhân chi sơ, tính bản thiện”. Theo ông, tính thiện được thể hiện ở *tứ đức*: nhân, nghĩa, lễ, trí. Nhờ có các đức ấy mà người ta mới khác loài cầm thú. Ông cho rằng con người khác loài cầm thú chỉ có vậy, nếu giữ được là người quân tử, không giữ được là tiểu nhân. *Tứ đức* ấy có nguồn gốc từ “*tứ đoan*” (bốn đầu mối), ông nói: “Do đó mà xét, không có lòng trắc ẩn, chẳng phải là người; không có lòng tu ó, chẳng phải là người; không có lòng từ nhượng, chẳng phải là người; không có lòng thị phi, chẳng

phải là người vậy. Lòng trắc ẩn là đầu mối của điều nhân, lòng tu ó là đầu mối của điều nghĩa, lòng từ nhượng là đầu mối của lễ, lòng thị phi là đầu mối của trí vậy” (*Do thị quan chi: vô trắc ẩn chi tâm, phi nhân dã; vô tu ó chi tâm, phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ó chi tâm nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị phi chi tâm, trí tri đoan dã*)[1, tr.861]. Mạnh Tử cho rằng, người ta có bốn đầu mối nêu trên ví như người có hai tay, hai chân vậy. Vì con người có nhân, nghĩa, lễ, trí nên con người khác loài cầm thú. Theo ông, những quy phạm đạo đức ấy mới chỉ manh nha ở trong lòng con người, vì vậy, con người mới khác loài vật là có “thiện đoan” (tính thiện). Do đó, nếu con người biết nuôi dưỡng thiện đoan thì có thể trở thành bậc thánh nhân. Ngược lại, nếu để thiện đoan bị mai một đi thì con người trở nên ích kỷ, nhỏ nhen không khác gì loài cầm thú. Từ những nội dung trên, ta có thể thấy, Mạnh Tử nói về tính thiện của con người là để chỉ cái bản chất của con người, để phân biệt với các tồn tại khác.

Đối lập với thuyết “tính thiện” của Mạnh Tử, Tuân Tử lại đưa ra thuyết “tính ác”. Ông viết: “Tính của con người là ác, còn thiện là do con người làm ra. Tính của con người, sinh ra là có sự hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có; sinh ra là đố kỵ, thuận theo tính đó thì thành ra tàn tặc, mà lòng trung tín không có; sinh ra có lòng ham muốn của tai mắt, có lòng thích về thanh sắc, thuận theo tính đó thì thành ra dâm loạn mà lễ nghĩa văn lý không có. Như thế thì theo cái tính của người ta, thuận cái tính của người ta, tất sinh ra tranh đoạt, phạm vào cái phận, làm loạn cái lý mà mắc lỗi tàn bạo. Cho nên phải có thầy, có phép tắc để cải hóa đi, có lễ nghĩa để dẫn dắt nó, rồi sau mới có từ nhượng, hợp văn lý mà thành ra trị. Xét vậy mà thấy rõ tính của con người là ác, mà cái thiện là do con người làm ra vậy”

(*Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả nguy dã. Kim nhân chi tính, sinh nhi hữu hiếu lợi yên, thuận thị, cố tranh đoạt sinh, nhi từ nhượng vong yên. Sinh nhi hữu tật ác yên, thuận thị, cố tàn tặc sinh nhi trung tín vong yên; sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu hiếu thanh sắc yên, thuận thị cố dâm loạn sinh, nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc tòng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tuất xuất vu tranh đoạt hợp vu phạm phận, loạn lý nhi quy ư bạo. Cố tất tương hữu sự pháp chi hóa, lễ nghĩa chi đạo, nhiên hậu xuất từ nhượng, hợp vu văn lý nhi quy vu trị. Dụng thử quan chi; nhiên tắc nhân chi tính ác minh hỹ, kỳ thiện giả nguy dã*)[3, tr.354].

Theo Tuân Tử, lòng hiếu lợi, lòng đố kỵ và ham muốn dục vọng là đầu mối của tính người (tính ác), khi mới sinh ra đã có rồi. Còn các đức nhân, nghĩa, lễ, trí là do bậc thánh nhân đặt ra, chứ không phải do trời sinh ra. Ở đây, Tuân Tử thừa nhận “Tứ đoan”, nhưng khác với Mạnh Tử, “Tứ đoan” ấy không có sẵn mà phải qua giáo dục mới có được. Ở luận điểm này, Tuân Tử đã nhận thấy vai trò tác động của nhân tố xã hội, của sự học tập đối với tính người. Từ đó, Tuân Tử chủ trương học theo lễ nghĩa để hoàn thiện con người, đề cao việc giáo hóa con người nhằm điều tiết cái bản năng, hướng con người tới cái thiện: “Tính ác của người ngày nay, tất phải có việc học tập trước rồi sau mới có chính, có lễ nghĩa trước rồi sau mới có trị” (*Kim nhân chi tính ác, tất tương đãi sự pháp nhiên hậu chính, đắc lễ nghĩa nhiên hậu trị*)[3, tr.355].

Như vậy, Mạnh Tử và Tuân Tử đã triển khai tư tưởng “tính tương cận” của Khổng Tử theo hai hướng khác nhau. Xét về mặt hình thức, dường như tư tưởng của các ông đối lập nhau. Về mặt nội dung thì tư tưởng của hai ông bổ sung cho nhau và cùng thống nhất ở chỗ cho rằng phải giáo dục con người và mục đích là hướng thiện.

Bàn về tính người, các nhà nho sau này đưa ra nhiều quan điểm khác nhau, nhưng họ cũng đều thống nhất ở quan điểm con người cần phải giáo dục.

Về quan điểm giáo dục, Khổng Tử cho rằng mọi người đều cần được giáo dục; nội dung của giáo dục là đạo đức và nhân cách.

Trong “Luận Ngữ” thiên *Vệ Linh Công* có viết: “Khổng Tử nói : “Về việc dạy dỗ không phân biệt loại người” (*Tử viết: Hữu giáo vô loại*)[1, tr.588]. Từ quan điểm giáo dục có tính cách mạng đó (Khổng Tử mở đầu cho chế độ tư học, trước ông, ở Trung Quốc chỉ có quan học - giáo dục chỉ dành riêng cho quý tộc), ông đã dạy cho tất cả những ai có mong muốn và ý thức học, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, khôn ngu. Ông nói: “Đối với những người đem lễ xin học từ một bó nem trở lên, ta chưa hề chối người nào, không dạy bảo” (*Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối dã – Luận Ngữ, Thuật Nhi*)[1, tr.347]. Đây là tư tưởng mang tính tiến bộ của Khổng Tử, thể hiện tính nhân bản cứu đời của ông. Ở thời đại ông, sự phân chia đẳng cấp, xã hội còn nhiều bất công là điều không thể khắc phục được, ông luôn mong muốn tạo ra nhân tố mới, tiến bộ nhằm cải cách dần thể chế xã hội cũ. Quan điểm giáo dục, đào tạo con người của Khổng Tử chính là nhằm thực hiện hoài bão này. Do vậy, đối tượng chủ yếu trong giáo

dục của Nho giáo nói chung và Khổng Tử nói riêng là đào tạo những người thuộc giai cấp thống trị; đào tạo những người thuộc giai cấp khác nhưng có thể bổ sung cho giai cấp thống trị; đào tạo những người dân biết “đạo” (đạo lý).

Các học thuyết ra đời ở thời Xuân Thu – Chiến Quốc, cũng có chú ý tới việc giáo hóa dân. Phái Mặc gia khuyên mọi người học những điều Thiên Tử cho là đúng. Cái gì Thiên Tử khen thì dân cũng khen, chê thì dân chê. Phái Pháp gia mới chỉ có ý định dạy cho dân biết pháp luật để họ đừng trái phép nước. Tuy nhiên, chỉ có Nho giáo mới coi trọng nhiệm vụ dạy dân. Nho giáo đòi hỏi nhà cầm quyền chăm lo tới việc dạy dân ngang với việc nuôi dân. Nho giáo chú ý đến việc giáo hóa dân không hoàn toàn vì quyền lợi của dân mà chủ yếu là vì bảo vệ và duy trì quyền lợi của giai cấp thống trị. Việc dạy dân, giáo hóa dân của Nho giáo là dễ dễ bề sai khiến dân, cai trị dân trong vòng cương tỏa của trật tự xã hội phong kiến. Như vậy, quan điểm giáo dục của Nho giáo thể hiện lập trường giai cấp rất rõ ràng. Quan điểm giáo dục của Nho giáo hướng tới mục tiêu cao nhất là “trị quốc, bình thiên hạ”.

Nội dung đào tạo của Nho giáo là làm cho mọi người hiểu và thực hiện đạo làm người – đạo vua tôi, đạo cha con, đạo chồng vợ, đạo anh em, đạo bằng hữu, đạo thầy trò; là làm cho người người hữu đạo, nhà nhà hữu đạo, thiên hạ hữu đạo. Với mục đích trên, Nho giáo thiên về giáo dục chính trị - đạo đức.

Khổng Tử nói rằng: “Nên để tâm trí vào đạo, nắm vững đức hạnh, noi theo điều nhân, vui thích với lục nghệ” (*Chí u đạo, cú u đức, y u nhân, du u nghệ - Luận Ngữ. Thuật Nhi*)[1, tr.346].

Trước hết, đào tạo con người của Nho giáo được thực hiện theo phương châm “tiên học lễ, hậu học văn”. Lễ là một trong những phạm trù lớn và cơ bản của Nho giáo. Nội hàm của Lễ phong phú. Lễ là lễ nghi (của các việc quan, hôn, tang, tế); là quy định của xã hội về cách cư xử, giao tiếp giữa người với người; là quy định ngôi thứ, vị trí mỗi người trong xã hội; là những chuẩn tắc, quy củ không thái quá, không bất cập... Khổng Tử rất coi trọng lễ, một mặt, ông bảo vệ các lễ nghi, kỷ cương, luân lý của nhà Chu (Tây chu), mặt khác ông đề ra những nguyên tắc, nội dung mới hợp lý hóa những tư tưởng đó theo chiều hướng tiến bộ. Chẳng hạn, ông yêu cầu mọi người khi thực hiện lễ cần phải chú trọng cả nội dung và hình thức, cần có thái độ thành tâm và kính trọng... Sau Khổng Tử, lễ được bổ sung thêm nội dung mới, nhưng nhìn chung nội dung chính của lễ vẫn là luân lý, chuẩn

mục, quy phạm của đạo đức phong kiến. Nho giáo coi việc giáo dục đạo đức là vị trí hàng đầu và đặc biệt quan trọng. Tư tưởng trên đã chi phối nền giáo dục thời phong kiến ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Lễ được giáo dục sâu sắc đến mức trở thành tiêu chuẩn để đánh giá hành vi con người, huy động được toàn thể xã hội biết quý trọng người có lễ, khinh ghét người vô lễ, thậm chí đến mức con người thà chết chứ không bỏ lễ.

Việc đào tạo con người theo lễ mang tính khắt khe đã gò bó, trói buộc con người, thủ tiêu tính năng động sáng tạo của cá nhân, làm cho con người thụ động và do đó xã hội trì trệ. Nhưng việc dạy và học theo lễ cũng có mặt tích cực ở chỗ, nó đã thể hiện sự nghiêm khắc của việc tu dưỡng đạo đức cá nhân, nó là chất keo gắn bó con người trong xã hội, có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định, trật tự của xã hội phong kiến.

Nho giáo chú ý giáo dục nhân cách con người theo các quy phạm đạo đức trong đạo “*cương – thường*” (tam cương – ngũ thường), khuyên con người giữ và thực hiện đạo lý, giữ cái danh trong sáng của mình. Thực hiện giáo dục nhân cách bằng sự gương mẫu, bằng sự tu thân, cảm hóa người của người cầm quyền – người có nghĩa vụ giáo hóa dân. Khổng Tử nói: “Bản thân (nhà cầm quyền) ngay thẳng, tuy không ra lệnh, mọi việc vẫn trôi chảy; bản thân không ngay thẳng, dầu có ra lệnh dân cũng chẳng theo” (*Kỳ thân chính, bất lệnh nhi hành. Kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất cùng – Luận Ngữ. Tử Lộ*)[1, tr.502]. Khổng Tử cho rằng, làm chính sự (việc nước) cũng như giáo dục nếu bản thân mình không ngay thẳng thì không thể làm cho người khác ngay thẳng được. Do vậy, việc giáo dục phải dùng nhân cách của mình để cảm hóa học trò: “Chính trị là ngay thẳng. nếu ngài lấy điều ngay thẳng dẫn dắt mọi người, thì ai lại dám không ngay thẳng?” (*Chính giả chính dã. Quân suất dĩ chính, thực cảm bất chính – Luận Ngữ. Nhan Uyên*)[1, tr.487].

Nho giáo chủ trương giáo dục “*Tứ giáo*”: “Phu Tử lấy bốn điều để dạy người: văn chương, đức hạnh, lòng trung thực và lòng thành tín” (*Tử dĩ tứ giáo: văn, hạnh, trung, tín – Luận Ngữ. Thuật Nhi*)[1, tr.361]. Trong “*tứ giáo*”, Khổng Tử vẫn coi trọng và lấy đức hạnh là cơ bản. Nội dung giáo dục là Thi, Lễ, Nhạc, Thư, Dịch và Xuân Thu (Lục Kinh). Mục đích của việc học nội dung trên chính là để có được lòng nhân (Đức nhân – phẩm chất đạo đức cao quý nhất của con người mà Nho giáo luôn mong muốn mọi người có được, đặc biệt là người quân tử). Ông nói: “Người mà không có lòng nhân, dùng lễ sao được? Người mà không có lòng nhân, dùng nhạc sao được?” (*Nhân nhi bất nhân, như lễ hà? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà? - Luận Ngữ - Bát Dật*)[1, tr.239].

Những nội dung giáo dục của Nho giáo nêu trên đã cho thấy việc Nho giáo đề cao giáo dục đạo đức (dạy đạo làm người) là điều hợp lý và có ý nghĩa không chỉ trước đây mà còn cho đến ngày nay. Ở đâu và lúc nào, nếu không chú trọng việc giáo dục đạo đức cho con người là ở đó, khi đó, đạo đức xã hội có vấn đề, lấy yêu cầu của hiện tại ra mà phê phán người xưa là phi lịch sử.

2. Sự kế thừa quan điểm giáo dục Nho giáo của Hồ Chí Minh

Cũng như rất nhiều nhà nho chân chính khác, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc giáo dục con người. Kế thừa tư tưởng “học không biết chán, dạy không biết mỏi” của Khổng giáo, ngay từ thời thanh niên, Người đã từng làm thầy giáo và khi trở thành vị Chủ tịch nước, Người luôn quan tâm đến việc giáo dục, đào tạo con người. Theo Hồ Chí Minh, mọi người cần phải học, học để làm việc, học để làm người, làm cán bộ để suốt đời phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

Nếu như trước đây Khổng Tử đã từng khuyên nhà cầm quyền phải chăm lo đời sống vật chất cho dân, phải giáo hóa dân để thực hiện đường lối “đức trị”, thì ngày nay vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, Hồ Chí Minh cũng thường xuyên nhắc nhở mọi người hãy:

“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây

Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”

(Hồ Chí Minh đã mượn câu nói trên của Quản Trọng để chỉ ra tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục)

Ở đây, chúng ta thấy có sự tương đồng giữa tư tưởng Nho giáo xưa và tư tưởng Hồ Chí Minh nay. Trong học thuyết Nho giáo, con người là trung tâm thì nay, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng tất cả là vì con người.

Khi nghiên cứu về con người, Nho giáo chủ yếu bàn về tính người, đề cao giáo dục và cho rằng nhờ có giáo dục mới làm cho con người trở nên thiện, giảm bớt tính ác. Kế thừa tư tưởng trên của Nho giáo, thấy mặt hạn chế của học thuyết “tính người” là đã quá tuyệt đối hóa yếu tố bẩm sinh. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Ngủ thì ai cũng như lương thiện,

Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,

Phần nhiều do giáo dục mà nên[4, tr.383]

Hồ Chí Minh đã thấy được tầm quan trọng của việc giáo dục, sự tác động của các yếu tố xã hội đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của con người. Hơn nữa, Hồ Chí Minh đã vận dụng phương pháp biện chứng khi nhìn nhận về tính người và trong giáo dục con người, Người viết: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời”[7, tr.558]. Đó chính là quan điểm giáo dục tiến bộ - phát huy mặt tốt, mặt mạnh của mỗi cá nhân và loại bỏ dần những mặt tiêu cực, mặt xấu.

Ở Nho giáo, nội dung giáo dục chủ yếu là đạo đức, là đề cao đạo đức của người cầm quyền, nhấn mạnh tu thân để làm gương, để giáo hóa dân. Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc của người cách mạng. Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ...Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”[5, tr.283]. Do vậy, người cán bộ phải giữ gìn đạo đức cách mạng như giữ gìn con người của mắt mình.

Không chỉ chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, Hồ chí Minh khẳng định mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục là đào tạo nên những con người vừa “hồng” vừa “chuyên”[7, tr.510] (có đức và có tài). Người nhấn mạnh mục đích giáo dục phải gắn liền với nội dung giáo dục; giáo dục phải toàn diện: “Trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đến các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất”[6, tr.190].

Ý nghĩa của quan điểm giáo dục của Nho giáo là đã tạo nên tinh thần hiếu học, đề cao tri thức. Tuy nhiên, tri thức theo Nho giáo chỉ được bó hẹp trong những lời dạy của bậc thánh nhân được ghi lại trong “Tứ thư” (Sách Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung) và “Ngũ kinh” (Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu). Yêu cầu của việc học tập chỉ là nhớ và thuộc lòng những điều trong đó mà không cần sự vận dụng sáng tạo. Điều này đã tạo thành lối học theo kiểu “tầm chương trích cú”, lối học

chỉ là “thuật” (nói lại, nhắc lại) mà “bất tác” (không sáng tác thêm). Hồ Chí Minh yêu cầu học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn.

Hồ Chí Minh là điển hình mẫu mực trong việc lựa chọn, kế thừa những mặt tích cực trong quan điểm giáo dục, đào tạo con người của Nho giáo. Những lời dạy của Người đã trở thành phương pháp luận trong chiến lược xây dựng con người mới “xứng tầm thời đại”, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước của Đảng ta hôm nay.

N.T.T.M

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Lâm (dịch và chú giải), *Chu Hy tứ thư tập chú*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1998.

2. Đoàn Trung Còn (dịch), *Mạnh Tử - quyền hạ*, Trí Đức Tùng Thư, Sài Gòn, 1950.

3. Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi, *Tuân Tử*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1994.

4. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

5. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

6. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

7. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.